



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

3503000233

4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008

ngày 29 tháng 4 năm 2021

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 29 tháng 4 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Huỳnh Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Phước
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Ông Phạm Văn Phong

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Trịnh Văn Thảo
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng
Ông Võ Thành Điền
Ông Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Kế toán Trưởng
(đến ngày 30 tháng 6 năm 2023)

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột
Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung **Báo cáo của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Điều hành

Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, ngày 15 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.




Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-04-00010-23-2




Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		562.795.763.570	570.992.214.671
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	77.350.834.022	40.336.570.208
Tiền	111		26.350.834.022	40.336.570.208
Các khoản tương đương tiền	112		51.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		263.000.000.000	220.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	263.000.000.000	220.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.273.423.338	58.105.171.311
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10(a)	10.418.894.522	27.516.585.927
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.670.318.293	6.669.754.209
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	3.260.138.537	24.994.728.183
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10(c)	(1.075.996.329)	(1.075.996.329)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		68.315	99.321
Hàng tồn kho	140	12	201.109.909.287	246.169.349.151
Hàng tồn kho	141		201.109.909.287	246.169.349.151
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.061.596.923	6.381.124.001
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.009.281.868	6.377.212.766
Thuế phải thu Nhà nước	153		52.315.055	3.911.235

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		400.018.272.855	419.323.021.830
Tài sản cố định	220		326.625.756.110	346.677.461.040
Tài sản cố định hữu hình	221	13	325.175.556.010	346.077.764.069
Nguyên giá	222		1.541.332.315.224	1.538.139.800.527
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.216.156.759.214)	(1.192.062.036.458)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.450.200.100	599.696.971
Nguyên giá	228		2.396.636.190	1.479.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(946.436.090)	(879.939.219)
Bất động sản đầu tư	230	15	6.647.664.682	6.827.305.204
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.148.173.389)	(2.968.532.867)
Tài sản dở dang dài hạn	240		287.127.327	393.352.508
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	287.127.327	393.352.508
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	24.011.941.821	24.011.941.821
Đầu tư vào công ty con	251		23.036.081.821	23.036.081.821
Đầu tư vào công ty liên kết	252		975.860.000	975.860.000
Tài sản dài hạn khác	260		42.445.782.915	41.412.961.257
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	38.808.089.921	37.775.268.263
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.637.692.994	3.637.692.994
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		962.814.036.425	990.315.236.501

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		353.619.285.561	387.441.025.567
Nợ ngắn hạn	310		334.353.353.162	368.259.585.120
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	27.223.027.960	27.534.150.953
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.191.449.394	42.356.904.643
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	158.549.435.162	182.880.372.837
Phải trả người lao động	314		22.828.597.577	22.358.129.377
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	6.768.094.117	857.976.715
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	16.827.409.079	16.662.300.664
Vay ngắn hạn	320	22	68.000.000.000	70.372.217.971
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	8.965.339.873	5.237.531.960
Nợ dài hạn	330		19.265.932.399	19.181.440.447
Phải trả dài hạn khác	337		1.170.000.000	1.080.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	18.095.932.399	18.101.440.447
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		609.194.750.864	602.874.210.934
Vốn chủ sở hữu	410	25	609.194.750.864	602.874.210.934
Vốn cổ phần	411	26	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	99.350.138.745	90.329.263.247
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		211.365.897.426	214.066.232.994
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		150.206.621.946	108.265.343.040
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		61.159.275.480	105.800.889.954
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		962.814.036.425	990.315.236.501

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Người duyệt:



Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	584.552.260.887	647.167.022.818
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	461.427.807.188	481.774.985.696
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		123.124.453.699	165.392.037.122
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	9.019.874.778	5.410.005.828
Chi phí tài chính	22		2.738.118.950	2.768.807.609
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.738.118.950	2.767.404.720
Chi phí bán hàng	25	33	16.092.835.607	16.149.516.246
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	37.567.728.597	34.101.080.273
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		75.745.645.323	117.782.638.822
Thu nhập khác	31		1.236.773.891	3.643.667.960
Chi phí khác	32		508.352.361	1.040.517.705
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		728.421.530	2.603.150.255
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		76.474.066.853	120.385.789.077
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	15.314.791.373	24.100.522.232
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		61.159.275.480	96.285.266.845

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	76.474.066.853	120.385.789.077
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	24.892.849.271	24.703.899.824
Các khoản dự phòng	03	(5.508.048)	(1.406.393.671)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(136.676)	(6.411.674)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.181.773.776)	(5.340.435.196)
Chi phí lãi vay	06	2.738.118.950	2.767.404.720
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	94.917.616.574	141.103.853.080
Biến động các khoản phải thu	09	16.035.323.605	(3.840.633.408)
Biến động hàng tồn kho	10	45.059.439.864	4.743.127.422
Biến động các khoản phải trả	11	(23.876.835.100)	(17.983.416.386)
Biến động chi phí trả trước	12	2.335.109.240	1.569.928.715
		134.470.654.183	125.592.859.423
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.557.015.418)	(2.768.623.899)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.012.343.885)	(14.207.737.949)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	627.801.359	95.375.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.989.993.446)	(20.754.093.171)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	84.539.102.793	87.957.779.404

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.326.363.511)	(17.534.754.377)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		163.636.364	78.727.273
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(263.000.000.000)	(300.000.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn thu về	24		220.000.000.000	215.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận phân bổ/cổ tức	27		31.537.242.833	25.796.174.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.625.484.314)	(76.659.852.717)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		379.107.682.692	503.041.848.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(381.479.900.663)	(490.041.848.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(30.527.273.370)	(20.312.719.337)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32.899.491.341)	(7.312.719.337)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		37.014.127.138	3.985.207.350
Tiền đầu kỳ	60		40.336.570.208	43.692.875.267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61		136.676	6.411.674
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	77.350.834.022	47.684.494.291

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở Chính của Công ty nằm ở số 1 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buon Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai chi nhánh trực thuộc tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (“Chi nhánh Quy Nhơn”) và thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (“Chi nhánh Phú Yên”). Hoạt động chính của các chi nhánh của Công ty như sau:

Tên chi nhánh	Hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Quy Nhơn	Sản xuất và kinh doanh bia	Khu Công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Chi nhánh Phú Yên	Sản xuất và kinh doanh bia và nước tinh khiết	265 Đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm Trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đắk Lắk và tất cả các chi nhánh (sau đây gọi chung là “Công ty”).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 440 nhân viên (1/1/2023: 444 nhân viên).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 16 – 25 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 30 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Ban Điều hành Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc các ước tính cùng kỳ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Công ty không có các khoản mục bất thường từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các giai đoạn ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó bộ phận xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	602.621.936	1.204.925.321
Tiền gửi ngân hàng	25.748.212.086	39.131.644.887
Các khoản tương đương tiền	51.000.000.000	-
	77.350.834.022	40.336.570.208

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 4,75% một năm.

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi và dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 8,25% đến 9,3% (1/1/2023: từ 5,5% đến 10,7%).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		% sở hữu	30/6/2023 và 1/1/2023		
			Số lượng	Giá gốc	Dự
	cổ phiếu	biểu quyết	VND	phòng	hợp lý
			VND	VND	VND
Đầu tư vào:					
Công ty con					
• Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn	Không áp dụng	100%	23.036.081.821	-	(*)
Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần In -Thương Mại Phú Yên	120.513	20%	975.860.000	-	(*)
			24.011.941.821	-	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.977.659.921	22.658.528.190
Các khách hàng khác	4.441.234.601	4.858.057.737
	10.418.894.522	27.516.585.927

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn – Văn phòng chính	530.549.536	1.033.970.652
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.977.659.921	22.658.528.190
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	227.945.610
	5.977.659.921	22.886.473.802

Khoản phải thu thương mại từ công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

(c) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.075.996.329	2.362.496.330
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(1.286.500.001)
	1.075.996.329	1.075.996.329

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Phải thu về lợi nhuận phân phối từ Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn, công ty con	-	21.016.371.173
Phải thu lãi tiền gửi	-	1.502.734.248
Phải thu khác	3.260.138.537	2.475.622.762
	3.260.138.537	24.994.728.183
	3.260.138.537	24.994.728.183

12. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	94.376.301.295	-	133.896.449.126	-
Công cụ và dụng cụ	54.943.781.864	-	56.833.249.217	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.784.517.111	-	28.009.098.960	-
Thành phẩm	20.005.309.017	-	27.396.665.484	-
Hàng hóa	-	-	33.886.364	-
	201.109.909.287	-	246.169.349.151	-
	201.109.909.287	-	246.169.349.151	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	253.477.075.989	1.256.295.171.590	19.744.824.445	7.380.249.669	1.242.478.834	1.538.139.800.527
Tăng trong kỳ	-	1.647.557.900	-	33.636.364	-	1.681.194.264
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.960.084.627	103.224.928	-	-	-	2.063.309.555
Thanh lý	-	-	(551.989.122)	-	-	(551.989.122)
Số dư cuối kỳ	255.437.160.616	1.258.045.954.418	19.192.835.323	7.413.886.033	1.242.478.834	1.541.332.315.224
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	141.054.393.373	1.029.091.011.067	14.910.282.743	6.064.337.508	942.011.767	1.192.062.036.458
Khấu hao trong kỳ	6.347.752.187	17.286.684.757	722.680.260	266.719.728	22.874.946	24.646.711.878
Thanh lý	-	-	(551.989.122)	-	-	(551.989.122)
Số dư cuối kỳ	147.402.145.560	1.046.377.695.824	15.080.973.881	6.331.057.236	964.886.713	1.216.156.759.214
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	112.422.682.616	227.204.160.523	4.834.541.702	1.315.912.161	300.467.067	346.077.764.069
Số dư cuối kỳ	108.035.015.056	211.668.258.594	4.111.861.442	1.082.828.797	277.592.121	325.175.556.010

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 926.020 triệu VND (1/1/2023: 919.027 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 74.996 triệu VND (1/1/2023: 80.235 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	500.000.000	750.636.190	229.000.000	1.479.636.190
Tăng trong kỳ	-	917.000.000	-	917.000.000
Số dư cuối kỳ	500.000.000	1.667.636.190	229.000.000	2.396.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	650.939.219	229.000.000	879.939.219
Khấu hao trong kỳ	-	66.496.871	-	66.496.871
Số dư cuối kỳ	-	717.436.090	229.000.000	946.436.090
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	500.000.000	99.696.971	-	599.696.971
Số dư cuối kỳ	500.000.000	950.200.100	-	1.450.200.100

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 797 triệu VND (1/1/2023: 797 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	4.240.003.682	4.419.644.204
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	<hr/>	<hr/>
	6.647.664.682	6.827.305.204
	<hr/>	<hr/>

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	7.388.177.071
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.968.532.867
Khấu hao trong kỳ	179.640.522
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.148.173.389
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	4.419.644.204
Số dư cuối kỳ	4.240.003.682
	<hr/>



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Quyền
sử dụng đất
VND

Số dư đầu kỳ và cuối kỳ 2.407.661.000

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	393.352.508	3.854.940.071
Tăng trong kỳ	1.957.084.374	5.281.495.446
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.063.309.555)	(8.449.456.129)
Số dư cuối kỳ	287.127.327	686.979.388

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuế cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	12.804.586.122	6.449.024.461	11.609.906.907	6.911.750.773	37.775.268.263
Tăng trong kỳ	5.059.487.861	3.230.332.862	-	2.805.283.375	11.095.104.098
Phân bổ trong kỳ	(4.588.158.854)	(2.789.284.434)	(222.604.116)	(2.462.235.036)	(10.062.282.440)
Số dư cuối kỳ	13.275.915.129	6.890.072.889	11.387.302.791	7.254.799.112	38.808.089.921

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	7.996.013.795	185.724.000
Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Bia Rượu Nước Giải Khát Việt Nam	4.430.681.398	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.059.932.832	1.955.193.724
Công ty TNHH ASIA Packaging Industries (Việt Nam)	-	13.279.517.060
Các nhà cung cấp khác	12.736.399.935	12.113.716.169
	27.223.027.960	27.534.150.953

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn – Trụ sở chính	1.421.439.836	390.651.648
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.059.932.832	1.955.193.724
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	152.327.852

Khoản phải trả thương mại cho công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	49.290.926.478	100.817.565.506	(31.969.085.025)	(68.472.405.836)	49.667.001.123
Thuế tiêu thụ đặc biệt	105.364.196.925	428.655.220.817	-	(442.523.591.122)	91.495.826.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.992.338.547	15.314.791.373	-	(27.012.343.885)	15.294.786.035
Thuế thu nhập cá nhân (*)	1.020.099.348	2.958.725.190	-	(3.800.754.157)	178.070.381
Tiền thuế đất, thuế đất	-	1.874.078.087	-	(42.764.858)	1.831.313.229
Các loại thuế khác	212.811.539	509.801.255	-	(640.175.020)	82.437.774
	182.880.372.837	550.130.182.228	(31.969.085.025)	(542.492.034.878)	158.549.435.162

(*) Trong thuế thu nhập cá nhân đã nộp trong kỳ có 501.559.756 VND liên quan đến thu nhập từ cổ tức của các cổ đông là cá nhân.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và sử dụng vỏ chai	965.569.440	2.799.483
Chi phí thuê đất	841.548.000	-
Chi phí lãi vay	344.659.476	163.555.944
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.616.317.201	691.621.288
	<hr/>	<hr/>
	6.768.094.117	857.976.715
	<hr/>	<hr/>

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Cổ tức phải trả	9.333.519.610	10.025.945.684
Nhận ký quỹ ngắn hạn	908.255.000	1.233.255.000
Quỹ công tác xã hội	1.842.620.420	1.110.532.870
Phải trả ngắn hạn khác	4.743.014.049	4.292.567.110
	<hr/>	<hr/>
	16.827.409.079	16.662.300.664
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay ngắn hạn

	1/1/2023		Biến động trong kỳ		30/6/2023	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND		
Vay ngắn hạn	70.372.217.971	379.107.682.692	(381.479.900.663)	68.000.000.000		

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	5.5% - 6%	68.000.000.000	67.939.333.848
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	VND	6%	-	2.432.884.123
			<u>68.000.000.000</u>	<u>70.372.217.971</u>

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) – Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng là 90.000 triệu VND và chịu lãi suất của Agribank tại ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh mỗi ba tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 74.996 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 80.235 triệu VND) (Thuyết minh 13) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động trong kỳ của quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	5.237.531.960	4.857.430.788
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 25)	24.090.000.000	23.847.300.000
Tăng khác	627.801.359	95.375.000
Sử dụng trong kỳ	(20.989.993.446)	(20.754.093.171)
Số dư cuối kỳ	8.965.339.873	8.046.012.617

24. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng khác (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	9.686.139.346	8.415.301.101	18.101.440.447
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(5.508.048)	-	(5.508.048)
Số dư cuối kỳ	9.680.631.298	8.415.301.101	18.095.932.399

(*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	298.466.480.000	12.234.693	82.571.601.825	170.492.718.603	551.543.035.121
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	96.285.266.845	96.285.266.845
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 28)	-	-	7.757.661.422	(7.757.661.422)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(23.847.300.000)	(23.847.300.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(775.766.141)	(775.766.141)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(29.846.648.000)	(29.846.648.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2022	298.466.480.000	12.234.693	90.329.263.247	204.550.609.885	593.358.587.825
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	84.132.243.109	84.132.243.109
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(74.616.620.000)	(74.616.620.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	298.466.480.000	12.234.693	90.329.263.247	214.066.232.994	602.874.210.934
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	61.159.275.480	61.159.275.480
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 28)	-	-	9.020.875.498	(9.020.875.498)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(24.090.000.000)	(24.090.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(902.087.550)	(902.087.550)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(29.846.648.000)	(29.846.648.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	298.466.480.000	12.234.693	99.350.138.745	211.365.897.426	609.194.750.864



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

27. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 14 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 74.617 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2022 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021, trong đó 74.617 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2021).

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-DHCD ngày 14 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 9.021 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 7.758 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Ngày thay đổi giá thuê	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Lô đất 1	31-12-2056	31-12-2025	1.857.390.507	2.228.868.608
Lô đất 2	31-1-2058	31-1-2058	20.519.136.000	156.691.584
Lô đất 3	31-12-2048	31-12-2023	354.924.026	408.558.416
Lô đất 4	31-12-2048	31-12-2023	140.172.194	161.354.334
Lô đất 5	31-12-2048	31-12-2023	759.445.278	874.208.949
Lô đất 6	31-12-2048	31-12-2023	205.409.088	236.449.508
Lô đất 7	10-10-2036	31-5-2026	335.177.500	392.636.500
Lô đất 8	10-10-2036	9-10-2026	613.641.600	708.048.000
Lô đất 9	10-10-2036	5-3-2025	484.377.600	629.690.880
Lô đất 10	10-10-2036	31-5-2026	2.408.021.000	2.820.824.600
Lô đất 11	10-10-2036	31-5-2026	770.739.200	902.865.920
			28.448.433.993	9.520.197.299

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
EUR	512	12.805.135	332	8.150.643
USD	53.120	1.238.806.104	53.124	1.243.960.113
		1.251.611.239		1.252.110.756

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2023 Số lượng	1/1/2023 Số lượng
Bia Lowen 330	Két	721	902

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	547.040.095.906	618.878.834.122
▪ Cung cấp dịch vụ	23.939.035.451	17.105.828.966
▪ Doanh thu khác	13.573.129.530	11.182.359.730
	<hr/>	<hr/>
	584.552.260.887	647.167.022.818
	<hr/>	<hr/>

31. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn hàng đã bán	458.148.409.669	475.269.348.600
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.113.365.062	3.109.601.208
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(119.893.670)
▪ Giá vốn khác	1.166.032.457	3.515.929.558
	<hr/>	<hr/>
	461.427.807.188	481.774.985.696
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi	8.957.880.912	5.198.788.324
Cổ tức từ công ty liên kết	60.256.500	180.769.500
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	136.676	6.411.674
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.600.690	24.036.330
	9.019.874.778	5.410.005.828

33. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên	1.918.657.293	1.832.718.328
Chi phí khấu hao và phân bổ	147.921.041	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	141.953.796	55.271.171
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	9.611.749.877	11.961.986.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.612.958.232	878.021.998
Chi phí bán hàng khác	2.659.595.368	1.421.517.836
	16.092.835.607	16.149.516.246

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên	18.265.065.293	17.241.961.639
Chi phí thuê	2.980.033.994	2.836.166.103
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.913.207.880	1.869.597.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.047.817.037	1.761.109.828
Chi phí quản lý khác	12.361.604.393	10.392.245.183
	37.567.728.597	34.101.080.273

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	360.209.896.734	391.541.466.629
Chi phí nhân công và nhân viên	59.214.682.846	56.064.423.458
Chi phí khấu hao và phân bổ (*)	24.892.849.271	24.703.899.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.002.862.466	34.391.438.878
Chi phí khác	31.573.591.309	24.664.879.611

(*) Trong kỳ, chi phí khấu hao và phân bổ đã bao gồm khấu hao các tài sản phục vụ sản xuất điện năng lượng mặt trời và giếng khoan với số tiền lần lượt là 533.057.904 VND và 170.804.946 VND.

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	15.294.813.370	24.077.157.814
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	19.978.003	23.364.418
	15.314.791.373	24.100.522.232

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	76.474.066.853	120.385.789.077
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.294.813.370	24.077.157.814
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	19.978.003	23.364.418
	15.314.791.373	24.100.522.232

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và các Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ		
Bia Quy Nhơn - Trụ sở chính		
Bán bia thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	224.408.856.042	193.172.211.341
Bán phụ tùng thay thế	392.753.960	554.628.416
Mua dịch vụ	3.203.236.044	3.285.934.057
Mua khác	5.727.273	20.354.549
Nhận cổ tức	21.016.371.173	-
Chuyển phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	439.650.000	687.446.000
Chi nhánh Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại		
- Dịch vụ Bia Quy Nhơn tại Phú Yên		
Bán bia thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	28.559.737.274	26.894.699.215
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.921.914.489	6.540.006.520
Bán hàng hóa khác	697.768.213	797.337.257
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ và dụng cụ	4.055.000.000	1.927.900.000
Thu nhập từ cổ tức	60.256.500	180.769.500
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán bia thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	266.564.494.718	381.984.583.932
Bán hàng hóa khác	380.162.520	211.610.697
Mua nguyên vật liệu	168.655.422.756	236.280.046.983
Cổ tức đã trả	9.617.363.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Bán bao bì luân chuyển	-	1.500.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	192.000.000	360.000.000
Bán khác	184.768.629	189.570.150

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	220.077.805	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sabeco		
Mua công cụ dụng cụ	154.646.000	-
Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Thị Phước – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Ông Phạm Văn Phong – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Ban Điều hành		
<i>Lương cơ bản</i>		
Ông Huỳnh Văn Dũng – Tổng Giám đốc	372.088.848	350.622.222
Ông Võ Thanh Điền – Phó Tổng Giám đốc	247.519.974	233.239.998
Ông Vũ Tuấn Anh – Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng (đến ngày 30 tháng 6 năm 2023)	247.519.974	233.239.998
Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng ban kiểm soát	120.000.000	120.000.000
Ông Trịnh Văn Thảo – Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Quang Đáng – Thành viên	24.000.000	24.000.000

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

